

HOSE 23/05/2014

VNINDEX 541.49 -0.24 -0.04%

KLGD 85,739,404 CP
GTGD 1,073.42 Tỷ
GTR NDTNN 16.21 Tỷ

CP Tăng giá 82 CP
CP Giảm giá 125 CP
CP Đứng giá 97 CP



HNX 23/5/2014

HNXINDEX 74.58 0.00 0.00%

KLGD 57,335,170 CP
GTGD 442.08 Tỷ
GTR NDTNN 1.11 Tỷ

CP Tăng giá 103 CP
CP Giảm giá 99 CP
CP Đứng giá 177 CP



VN30 & HNX30 INDEX

VN30 594.35 1.60 0.27%
HNX30 148.14 0.50 0.34%

Tâm điểm

▶ **Giảng co mạnh ở sàn**

▶ **Thanh khoản thị trường sụt giảm trong phiên hôm nay**
Tổng giá trị giao dịch đạt mức khoảng 1,400 tỷ đồng

▶ **Xuất siêu 1.7 tỷ USD trong 5 tháng đầu năm**
Theo số liệu mới nhất từ Tổng cục Thống kê
Bizlive

▶ **Hàn Quốc vượt Nhật trở thành nhà đầu tư FDI lớn nhất vào Việt Nam**
Tổng vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm của Hàn Quốc vào Việt Nam đạt 1.12 tỉ USD
Thanh Niên

▶ **Sản xuất Trung Quốc tăng trưởng mạnh trong tháng 5**
Chỉ số PMI sản xuất sơ bộ của Trung Quốc tăng lên 49.7 điểm trong tháng 5
The Economist

▶ **PNJ: Lãi ròng quý 1 đạt 74 tỷ đồng**
Với kết quả này, PNJ đã đạt 37% kế hoạch lợi nhuận sau thuế của cả năm
Đầu tư Chứng khoán

▶ **MPC: Quý 1 đạt 220 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế**
Cùng kỳ năm trước, lợi nhuận trước thuế của MPC chỉ đạt 23 tỷ đồng
Đầu tư Chứng khoán

Thị trường / Ngành

Theo thị trường

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	958,072	13.2	2.9	20.7%	10.9%
HNX	121,954	18.4	1.6	6.7%	3.9%
Toàn bộ thị trường	1,080,026	15.1	2.8	19.6%	10.2%

Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	7,298	6.3	0.9	15.8%	10.7%	
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	18,377	6.9	1.5	21.1%	15.3%	
Thép và sản phẩm thép	34,716	20.4	1.9	17.9%	7.6%	
Khai khoáng	11,952	54.5	5.0	1.9%	1.3%	
Vật liệu xây dựng & Nội thất	18,910	17.4	1.3	12.1%	8.7%	
Xây dựng	27,648	-	28.4	1.0	-6.7%	1.3%
Máy công nghiệp	7,793	6.0	1.3	21.2%	14.6%	
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,516	13.1	1.3	15.0%	11.4%	
Lốp xe	6,663	8.1	2.2	29.0%	12.8%	
Nuôi trồng nông & hải sản	14,134	11.3	1.2	14.0%	6.3%	
Thực phẩm	193,493	22.4	4.7	22.0%	17.0%	
Dược phẩm	15,003	11.9	3.1	25.5%	16.8%	
Phần mềm	16,192	9.9	2.1	22.1%	9.6%	
Sản xuất & phân phối điện	21,438	-	5.4	1.1	-5.1%	3.4%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	179,029	15.1	4.8	32.9%	22.1%	
Bảo hiểm nhân thọ	25,654	20.8	2.1	10.0%	2.3%	
Môi giới chứng khoán	22,383	12.5	1.2	8.1%	6.1%	
Ngân hàng	237,112	10.7	1.2	11.1%	0.9%	
Bất động sản	136,554	11.2	2.5	28.5%	7.2%	
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	35,689	9.3	1.9	20.5%	8.4%	

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

Xuất siêu 1.7 tỷ USD trong 5 tháng đầu năm

Hàn Quốc vượt Nhật trở thành nhà đầu tư FDI lớn nhất vào Việt Nam

Sản xuất Trung Quốc tăng trưởng mạnh trong tháng 5

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

PNJ: Lãi ròng quý 1 đạt 74 tỷ đồng

MPC: Quý 1 đạt 220 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế

PHR: Ước đạt 11 tỷ đồng lợi nhuận trong tháng 4

► Tin kinh tế

Theo Tổng cục Thống kê, trong tháng 5, kim ngạch xuất khẩu cả nước ước đạt 12 tỷ USD. Trong đó, giá trị xuất khẩu của khu vực doanh nghiệp vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đạt gần 8.2 tỷ USD. Kim ngạch nhập khẩu cả nước ước đạt 12.4 tỷ USD. Trong đó, kim ngạch nhập khẩu của khu vực doanh nghiệp FDI đạt 7.1 tỷ USD, chiếm 46% tổng kim ngạch nhập khẩu cả nước. Tính chung 5 tháng đầu năm, kim ngạch xuất khẩu ước đạt 58.5 tỷ USD và kim ngạch nhập khẩu đạt 56.8 tỷ USD, tăng lần lượt 15.4% và 9.6% so cùng kỳ năm 2013. Như vậy, cả nước đã nhập siêu 400 triệu USD trong tháng 5 và xuất siêu khoảng 1.7 tỷ USD trong 5 tháng đầu năm 2014.

Báo cáo mới nhất của Cục Đầu tư nước ngoài cho biết, trong 4 tháng đầu năm nay đã có 36 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư tại Việt Nam. Hàn Quốc vượt Nhật trở thành nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) lớn nhất Việt Nam với tổng vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm đạt 1.12 tỉ USD, chiếm 23.1% tổng vốn đầu tư vào Việt Nam; các doanh nghiệp Nhật Bản đầu tư 531 triệu USD, tiếp theo là Singapore tổng vốn 479.18 triệu USD. Những dự án lớn mới vào Việt Nam có thể kể đến là Nhà máy xi măng Thăng Long (Indonesia) ở Quảng Ninh, vốn đầu tư hơn 325 triệu USD; Nhà máy Ilshin (Hàn Quốc) ở Tây Ninh vốn 177 triệu USD...

HSBC và Markit Economics cho biết, chỉ số PMI sản xuất sơ bộ của Trung Quốc tăng lên 49.7 điểm trong tháng 5 so với 48.1 điểm của tháng 4 và cao hơn so với ước tính của các chuyên gia phân tích. Tuy nhiên, con số này vẫn nằm dưới ngưỡng tăng trưởng - suy yếu là 50 điểm. Chỉ số sản xuất của Trung Quốc lên mức cao nhất trong 5 tháng, phản ánh, nền kinh tế đang dần ổn định nhờ chính phủ nỗ lực hạn chế suy thoái.

► Tin doanh nghiệp

Tổng doanh thu quý 1/2014 của CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận (HOSE: PNJ) đạt 1,872 tỷ đồng, tăng 5% so với cùng kỳ; lãi thuần từ hoạt động kinh doanh đạt hơn 96 tỷ đồng, tăng 14%; tổng lợi nhuận trước thuế đạt gần 96 tỷ đồng, tăng 14%; và lợi nhuận sau thuế đạt 74 tỷ đồng, tăng 18%; EPS đạt 988 đồng, tăng 13%. Theo PNJ, tổng doanh thu quý 1/2014 tăng 5% so với cùng kỳ là do tăng mạnh nhóm sản phẩm đá màu - kim cương; tổng chi phí trong kỳ tăng 23%, trong đó chi phí bán hàng và chi phí quản lý tăng lần lượt là 34% và 23%, chi phí lãi vay giảm 10% do lãi suất vay giảm và điều tiết vốn tốt. Năm 2014, PNJ đặt kế hoạch 202.5 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế hợp nhất. Như vậy, hết quý 1, công ty mẹ đã đạt gần 37% kế hoạch năm

CTCP Tập đoàn thủy sản Minh Phú (HOSE: MPC) cho biết, quý I/2014, Công ty đạt 2,843 tỷ đồng doanh thu hợp nhất, tăng mạnh so với mức 1,500 tỷ đồng cùng kỳ năm ngoái, lợi nhuận trước thuế đạt 220 tỷ đồng, tăng mạnh so với mức 23 tỷ đồng quý 1 năm ngoái. Năm 2014, lợi nhuận của Minh Phú được cải thiện đáng kể do chi phí tài chính, cụ thể là lãi vay giảm. Công ty đang triển khai kế hoạch huy động thêm 500 tỷ đồng vốn đầu tư bằng phát hành trái phiếu, dự kiến phát hành trong quý II - III/2014. Năm 2014, Minh Phú dự kiến tìm và chốt được nhà đầu tư chiến lược nhằm tăng vốn từ 700 lên 1,000 tỷ đồng. Năm 2014, Minh Phú đặt kế hoạch kim ngạch xuất khẩu hợp nhất 550 triệu USD, tổng doanh thu hợp nhất 11,715 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế hợp nhất 487 tỷ đồng.

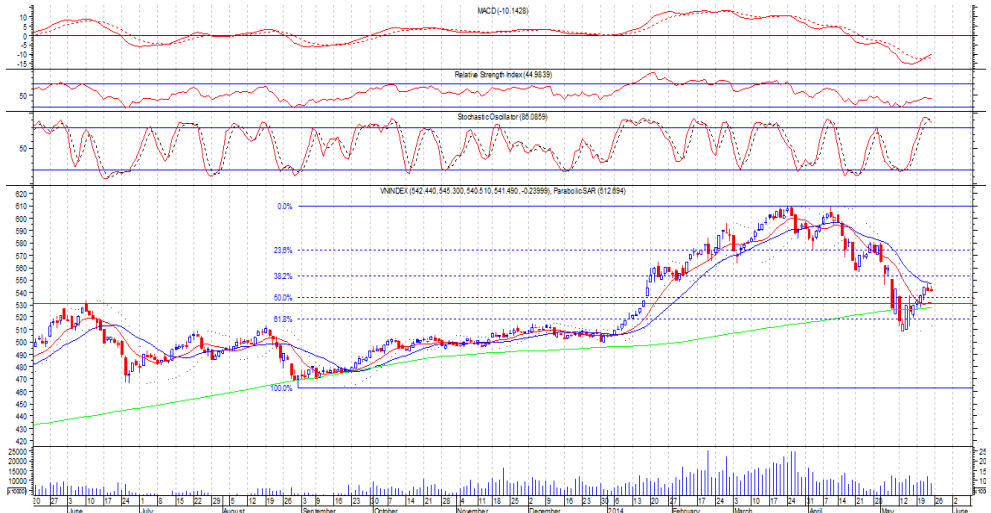
Theo KQKD mà CTCP cao su Phước Hòa (HOSE: PHR) vừa công bố, trong tháng 4 vừa qua, PHR tiêu thụ được hơn 1.088 tấn mủ cao su, với giá bình quân 43.4 triệu đồng/tấn, đạt doanh thu 47.3 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế ước đạt 11 tỷ đồng. Lũy kế 4 tháng đầu năm nay, PHR đạt 374 tỷ đồng doanh thu, lợi nhuận trước thuế 88 tỷ đồng, tương đương gần 33% kế hoạch năm. Trong tháng 5, PHR đạt mục tiêu khai thác 1.295 tấn mủ cao su, thu mua 600 tấn. PHR và các đơn vị trực thuộc như: Công ty TNHH cao su Phước Hòa - Đắk Lắk, Công ty TNHH phát triển cao su Phước Hòa - Kampong Thom đang chuẩn bị diện tích đất, cây giống để triển khai trồng tái canh và trồng mới như kế hoạch 2014.

HOSE 23/05/2014 VNINDEX 541.49 -0.24 -0.04% 85,739,404 CP 1,073.42 bil VND

Giảng co mạnh ở sàn

VN-Index giảm 0.24 điểm (-0.04%), đóng cửa tại mức 541.49 điểm. VN-Index hình thành cây nến đỏ, thân nến ngắn, cây nến gần giống với nến Doji thể hiện sự lưỡng lự và giảng co của chỉ số này.

- MACD sau khi cho tín hiệu mua tiếp tục gia tăng.
- Stochastic Oscillator cho tín hiệu bán ra trong phiên hôm nay.
- RSI giữ ở mức 45.
- VN-Index đang hồi phục khá tốt trở lại sau đợt giảm điểm mạnh, tuy nhiên nhịp hồi phục này sẽ gặp kháng cự mạnh tại vùng MA20, Fb 50% tương đương với 550 điểm.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	0.3 (3.0%)	12,835,890
HQC	-0.5 (-6.9%)	6,308,320
ITA	0 (0.0%)	4,591,170
PTL	0.2 (6.5%)	3,146,360
VHG	0 (0.0%)	2,803,070

HOSE Top 5 theo % tăng

CCI	0.7 (6.9%)	20
MCP	1.2 (6.9%)	10
DRH	0.2 (6.5%)	414,400
NVN	0.2 (6.5%)	1,800
PTL	0.2 (6.5%)	3,146,360

HOSE Top 5 theo % giảm

GSP	-1.2 (-9.8%)	34,900
HQC	-0.5 (-6.9%)	6,308,320
KSH	-0.5 (-6.9%)	370
TTP	-1.8 (-6.9%)	20
KAC	-0.9 (-6.9%)	40

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

HPG	7,2 tỷ	142,240
VIC	6,4 tỷ	96,710
BVH	5,0 tỷ	130,850
VSH	2,9 tỷ	189,140
MSN	2,5 tỷ	28,040

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

VCB	-9,0 tỷ	339,710
ITA	-7,4 tỷ	935,000
OGC	-5,0 tỷ	487,590
PVD	-4,3 tỷ	53,210
KBC	-2,8 tỷ	279,020

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	-586,950	16.21

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT vẫn giữ sự giảng co và lưỡng lự như 2 phiên vừa qua, sau phiên sáng tăng điểm nhẹ thì TT hơi đuối dần về cuối phiên. Áp lực chốt lời vẫn còn khá nhiều.
- ▶ KLGD sụt giảm và đạt 84 triệu đơn vị. Khối lượng giao dịch ở mức trung bình. Đây cũng là giai đoạn chưa có nhiều kỳ vọng về sự đột biến ở thanh khoản.
- ▶ Khối ngoại mua ròng 16 tỷ trong phiên hôm nay. Nhịp bán ròng có thể sẽ xuất hiện thương xuyên hơn sau giai đoạn mua ròng liên tiếp vừa rồi.
- ▶ VN-Index vẫn đang hồi phục khá tốt. Tâm lý NĐT vẫn khá yếu khi phụ thuộc nhiều vào diễn biến ở Biển Đông. Nhiều khả năng VN-Index sẽ tích lũy ở vùng này.
- ▶ NĐT ngắn hạn có thể xem xét bán chốt lời ở vùng giá cao đối với cổ phiếu đã về tài khoản và có lời, hạn chế mở vị thế mua mới.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	92.5	175,287.50	15.4	4.9	33.4%	22.6%
VNM	833.4	125.0	104,179.67	16.3	5.5	36.4%	29.1%
MSN	734.9	89.5	65,774.56	200.6	4.5	2.2%	0.7%
VCB	2,317.4	26.3	60,948.07	14.3	1.4	10.4%	1.0%
VIC	894.2	66.5	59,466.99	8.1	3.9	47.0%	11.1%
CTG	3,723.4	14.7	54,734.05	8.8	1.0	11.4%	1.1%
BID	2,811.2	14.7	41,324.68	9.1	1.3	14.2%	0.8%
BVH	680.5	37.8	25,721.82	20.8	2.1	10.0%	2.3%
HPG	481.9	51.0	24,577.32	9.9	2.3	25.0%	10.7%
PVD	275.3	81.5	22,433.54	10.4	2.2	21.7%	9.8%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

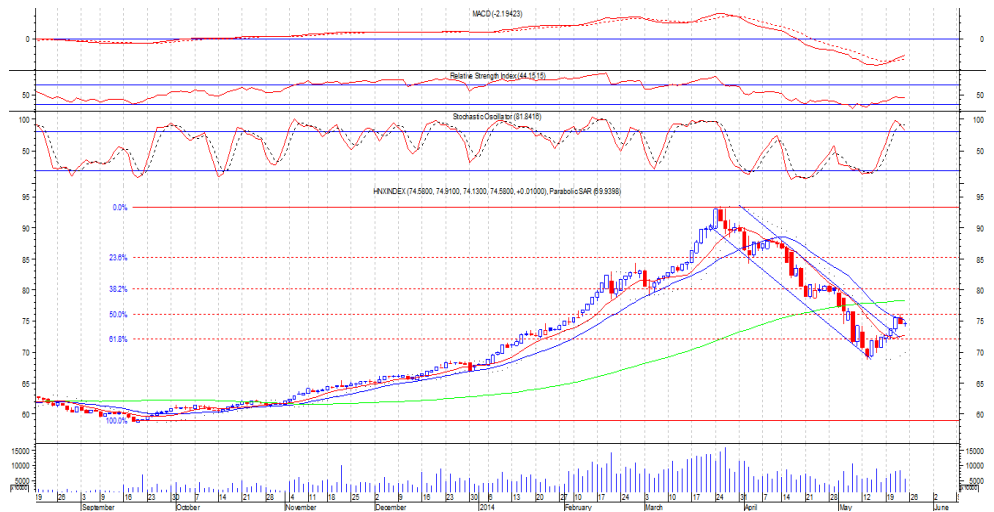
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	232.6	12.8	2,977.28	12.6	1.1	NA	TH.DOI
FPT	343.9	45.4	15,612.80	9.9	2.1	NA	TH.DOI
CII	112.9	18.7	2,110.51	14.6	1.3	NA	TH.DOI
BMP	45.5	66.0	3,001.58	8.1	1.9	NA	TH.DOI
NHS	60.8	10.8	656.10	4.7	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	19.5	538.39	2.0	0.9	NA	TH.DOI

HNX 23/05/2014 HNX-Index 74.58 0.00 0.00% 57,335,170 CP 442.08 bil. VND

Giảng co mạnh ở sàn

Chỉ số HNX-Index tăng 0.00 điểm (0.00%), đóng cửa tại mốc 74.57 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh với thân ngắn, cây nến Doji thể hiện sự lưỡng lự và giảng co của thị trường.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator sau khi cho tín hiệu bán ra tiếp tục đi xuống.
- MACD sau khi cho tín hiệu mua vẫn tiếp tục gia tăng. Đây là một tín hiệu khá tích cực.
- RSI (14) giữ ở mức 44.
- HNX-Index vẫn đang gặp ngưỡng kháng cự khá mạnh tại MA20.



HNX Top 5 theo KLGD

Tên cổ phiếu	KLGD (%)	Giá trị (tỷ VND)
PVX	0.3 (6.4%)	12,430,710
SCR	0.1 (1.2%)	5,977,740
SHB	0.2 (2.2%)	4,315,090
KLS	0.1 (1.0%)	3,927,360
FIT	0.6 (4.4%)	2,763,500

HNX Top 5 theo % tăng

Tên cổ phiếu	% Tăng	Giá trị (tỷ VND)
SGH	48.5 (100.0%)	-
NVC	0.1 (11.1%)	493,600
LM3	0.3 (10.0%)	9,100
SIC	0.6 (9.8%)	200
CAN	2.8 (9.7%)	14,100

HNX Top 5 theo % giảm

Tên cổ phiếu	% Giảm	Giá trị (tỷ VND)
CTN	-0.8 (-10.0%)	1,600
DZM	-0.6 (-10.0%)	200
DAD	-1.6 (-9.8%)	100
HCC	-1.1 (-9.6%)	1,110
DLR	-0.9 (-9.6%)	5,000

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

Tên cổ phiếu	Mua ròng (tỷ VND)	Giá trị (tỷ VND)
PVX	0,9 tỷ	186,800
DBC	0,8 tỷ	40,000
NTP	0,6 tỷ	8,000
HUT	0,6 tỷ	55,000
CAN	0,4 tỷ	14,100

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

Tên cổ phiếu	Bán ròng (tỷ VND)	Giá trị (tỷ VND)
ARM	-1,2 tỷ	69,300
VND	-0,8 tỷ	58,100
KLS	-0,8 tỷ	75,400
SHB	-0,4 tỷ	46,600
PVS	-0,4 tỷ	15,200

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	162,500	1.11

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT vẫn giữ sự giảng co và lưỡng lự như 2 phiên vừa qua, sau phiên sáng tăng điểm nhẹ thì TT hơi đuối dần về cuối phiên. Áp lực chốt lời vẫn còn khá nhiều.
- ▶ KLGD sụt giảm và đạt 54 triệu đơn vị. Khối lượng giao dịch ở mức trung bình. Đây cũng là giai đoạn chưa có nhiều kỳ vọng về sự đột biến ở thanh khoản.
- ▶ Khối ngoại tiếp tục mua ròng 1 tỷ đồng trong phiên hôm nay ở sàn này. Nhịp mua ròng tiếp tục tạo niềm tin khá tốt giúp nâng đỡ TT.
- ▶ HNX-Index vẫn đang hồi phục khá tốt. Tuy nhiên tâm lý NĐT vẫn khá yếu khi phụ thuộc nhiều vào diễn biến Biển Đông. Nhiều khả năng HNX-Index sẽ tích lũy vùng này.
- ▶ NĐT ngắn hạn có thể xem xét bán chốt lời ở vùng giá cao đối với cổ phiếu đã về tài khoản và có lời, hạn chế mở vị thế mua mới.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	909.8	15.5	14,101.60	18.7	1.1	6.1%	0.5%
PVS	446.7	25.9	11,569.54	7.8	1.4	19.3%	6.2%
SQC	110.0	78.2	8,602.00	265.3	6.5	-2.4%	-2.0%
SHB	886.1	9.1	8,063.36	10.1	0.8	7.9%	0.7%
VCG	441.7	11.5	5,079.67	11.7	0.9	8.3%	1.8%
OCH	200.0	25.2	5,040.00	35.9	2.4	6.3%	3.1%
PVI	225.4	17.8	4,012.37	14.5	0.7	4.6%	2.1%
NTP	43.3	71.0	3,077.00	10.7	2.4	23.8%	16.0%
LAS	77.8	38.7	3,012.10	6.7	2.1	33.5%	17.5%
VNR	100.8	27.8	2,803.01	7.9	1.1	14.5%	7.0%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	26.6	1,010.80	6.7	1.2	NA	TH.DOI
AAA	19.8	17.8	352.44	7.0	0.7	NA	TH.DOI
VND	96.9	14.6	1,415.27	10.6	1.2	NA	TH.DOI
NTP	43.3	71.0	3,077.00	10.7	2.4	NA	TH.DOI
PVC	50.0	15.1	755.00	9.5	0.9	NA	TH.DOI
DXP	7.9	37.0	291.37	6.1	1.4	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	65,774.56	15.35%	89.5	200.59	4.50	179,175	152,500	365,286
VIC	HOSE	894.2	59,466.99	14.46%	66.5	8.06	3.85	474,321	542,373	523,407
HPG	HOSE	481.9	24,577.32	11.74%	51.0	9.87	2.27	860,374	660,420	832,457
PVD	HOSE	275.3	22,433.54	8.68%	81.5	10.40	2.15	462,204	406,423	501,913
DPM	HOSE	379.9	12,043.92	8.01%	31.7	6.40	1.39	1,577,877	1,276,302	1,388,987
HAG	HOSE	718.2	17,307.53	7.98%	24.1	14.79	1.36	4,701,528	3,483,609	4,385,224
VCB	HOSE	2,317.4	60,948.07	6.11%	26.3	14.31	1.43	902,647	744,348	912,665
STB	HOSE	1,142.5	20,907.96	4.13%	18.3	9.60	1.27	1,029,116	727,813	1,043,002
BVH	HOSE	680.5	25,721.82	3.08%	37.8	20.82	2.05	655,840	537,476	521,960
ITA	HOSE	718.1	5,672.79	2.71%	7.9	104.99	0.76	7,084,086	6,032,789	9,755,339
HSG	HOSE	96.3	4,208.88	2.68%	43.7	11.24	1.99	282,948	216,002	273,573
GMD	HOSE	114.4	3,272.46	2.26%	28.6	106.43	0.72	432,545	354,146	391,972
PPC	HOSE	318.2	6,617.62	2.03%	20.8	7.35	1.19	760,494	598,074	919,814
VSH	HOSE	206.2	3,176.12	1.74%	15.4	14.87	1.20	751,080	488,701	818,679
CSM	HOSE	67.3	2,536.91	1.64%	37.7	6.97	1.99	484,513	373,622	626,040
KBC	HOSE	289.8	2,810.68	1.48%	9.7	22.04	0.73	1,012,255	751,719	1,300,464
DRC	HOSE	83.1	3,597.10	1.33%	43.3	9.39	2.45	269,723	219,609	361,112
PVT	HOSE	232.6	2,977.28	1.18%	12.8	12.61	1.06	816,023	670,454	1,789,979
DIG	HOSE	143.0	2,044.84	1.01%	14.3	39.40	0.90	478,793	332,979	682,889
OGC	HOSE	300.0	3,120.00	0.91%	10.4	59.59	1.03	2,751,629	2,343,887	3,413,381
PET	HOSE	69.8	1,096.52	0.87%	15.7	7.55	0.90	527,384	449,290	753,878

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
PVS	HNX	446.7	11,569.54	5.37%	25.9	7.82	1.39	2,335,130	2,292,004	2,839,271
VIC	HOSE	894.2	59,466.99	8.00%	66.5	8.06	3.85	474,321	542,373	523,407
VCB	HOSE	2,317.4	60,948.07	7.00%	26.3	14.31	1.43	902,647	744,348	912,665
BVH	HOSE	680.5	25,721.82	6.50%	37.8	20.82	2.05	655,840	537,476	521,960
DPM	HOSE	379.9	12,043.92	5.79%	31.7	6.40	1.39	1,577,877	1,276,302	1,388,987
STB	HOSE	1,142.5	20,907.96	4.26%	18.3	9.60	1.27	1,029,116	727,813	1,043,002
PVD	HOSE	275.3	22,433.54	3.22%	81.5	10.40	2.15	462,204	406,423	501,913
ITA	HOSE	718.1	5,672.79	3.73%	7.9	104.99	0.76	7,084,086	6,032,789	9,755,339
SHB	HNX	886.1	8,063.36	2.86%	9.1	10.09	0.77	8,728,957	7,540,628	9,963,365
PPC	HOSE	318.2	6,617.62	1.58%	20.8	7.35	1.19	760,494	598,074	919,814
OGC	HOSE	300.0	3,120.00	2.33%	10.4	59.59	1.03	2,751,629	2,343,887	3,413,381
GMD	HOSE	114.4	3,272.46	1.62%	28.6	106.43	0.72	432,545	354,146	391,972
MSN	HOSE	734.9	65,774.56	8.00%	89.5	200.59	4.50	179,175	152,500	365,286
HAG	HOSE	718.2	17,307.53	2.83%	24.1	14.79	1.36	4,701,528	3,483,609	4,385,224
DRC	HOSE	83.1	3,597.10	1.28%	43.3	9.39	2.45	269,723	219,609	361,112
VCG	HNX	441.7	5,079.67	3.58%	11.5	11.69	0.94	2,506,748	1,946,003	3,333,159
PVT	HOSE	232.6	2,977.28	2.05%	12.8	12.61	1.06	816,023	670,454	1,789,979

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	894.2	59,466.99	0.00%	66.5	8.06	3.85	474,321	542,373	523,407
MSN	HOSE	734.9	65,774.56	0.00%	89.5	200.59	4.50	179,175	152,500	365,286
DPM	HOSE	379.9	12,043.92	0.00%	31.7	6.40	1.39	1,577,877	1,276,302	1,388,987
HAG	HOSE	718.2	17,307.53	0.00%	24.1	14.79	1.36	4,701,528	3,483,609	4,385,224
VCB	HOSE	2,317.4	60,948.07	0.00%	26.3	14.31	1.43	902,647	744,348	912,665
STB	HOSE	1,142.5	20,907.96	0.00%	18.3	9.60	1.27	1,029,116	727,813	1,043,002
BVH	HOSE	680.5	25,721.82	0.00%	37.8	20.82	2.05	655,840	537,476	521,960
CTG	HOSE	3,723.4	54,734.05	0.00%	14.7	8.82	1.01	665,867	545,916	1,017,350
GAS	HOSE	1,895.0	175,287.50	0.00%	92.5	15.41	4.89	659,703	531,580	421,704

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Royal Bank of Scotland
MSCI Frontier Markets Index

Ngày lập quỹ
Ngày lập chỉ số

19/09/2011
30/11/2007

SLCKVN
TGTTSQL

9/142
22.25 mil.

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	65,774.56	0.81%	89.5	200.59	4.50	179,175	152,500	365,286
VIC	HOSE	894.2	59,466.99	0.55%	66.5	8.06	3.85	474,321	542,373	523,407
DPM	HOSE	379.9	12,043.92	0.26%	31.7	6.40	1.39	1,577,877	1,276,302	1,388,987
VCB	HOSE	2,317.4	60,948.07	0.20%	26.3	14.31	1.43	902,647	744,348	912,665
STB	HOSE	1,142.5	20,907.96	0.14%	18.3	9.60	1.27	1,029,116	727,813	1,043,002
BVH	HOSE	680.5	25,721.82	0.10%	37.8	20.82	2.05	655,840	537,476	521,960

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

iShares
MSCI Frontier 100 Index

Ngày lập quỹ
Ngày lập chỉ số

12/09/2012
30/11/2007

SLCKVN
TGTTSQL

6/102
519.45 mil.

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

iShares
MSCI VN Investable Market Indx

Ngày lập quỹ
Ngày lập chỉ số

01/12/2010

SLCKVN
TGTTSQL

4,752.96 mil.

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,298	6.3	0.9	15.8%	10.7%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	18,377	6.9	1.5	21.1%	15.3%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,629	21.7	0.7	2.9%	1.9%
Sản xuất giấy	737	7.6	0.7	11.2%	5.7%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	34,716	20.4	1.9	17.9%	7.6%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,606	4.1	0.7	18.0%	3.7%
Khai khoáng	11,952	54.5	5.0	1.9%	1.3%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	18,910	17.4	1.3	12.1%	8.7%
Xây dựng	27,648	-28.4	1.0	-6.7%	1.3%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,060	7.0	1.0	16.5%	8.7%
Công nghiệp phức hợp	331	3.1	0.7	21.8%	15.6%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,585	9.6	0.9	7.9%	3.8%
Thiết bị điện	1,591	-15.3	0.6	-1.1%	-1.5%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	43	26.9	0.6	2.2%	1.5%
Máy công nghiệp	7,793	6.0	1.3	21.2%	14.6%
Vận tải					
Vận tải thủy	7,319	-2.4	0.9	3.3%	0.8%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,516	13.1	1.3	15.0%	11.4%
Dịch vụ vận tải	5,210	7.7	1.3	18.1%	10.9%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	2,975	10.8	1.3	12.2%	4.4%
Đào tạo & Việc làm	190	19.1	0.5	4.2%	1.6%
Nhà cung cấp thiết bị	179	8.3	0.8	10.0%	4.3%
Chất thải & Môi trường	166	2.5	0.8	35.0%	16.7%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,127	20.8	1.8	13.7%	8.0%
Lốp xe	6,663	8.1	2.2	29.0%	12.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,370	6.9	1.1	15.6%	8.8%
Vang & Rượu mạnh	256	10.2	1.8	20.4%	12.8%
Đồ uống & giải khát	269	7.7	1.4	14.2%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	14,134	11.3	1.2	14.0%	6.3%
Thực phẩm	193,493	22.4	4.7	22.0%	17.0%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	53	42.2	0.7	1.6%	1.2%
Thiết bị gia dụng	2,036	7.8	0.9	12.5%	6.2%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	141	8.5	1.3	13.5%	9.4%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	2,860	7.9	1.4	18.0%	7.1%
Giày dép	9	-1.3	0.5	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	4,950	9.0	1.8	16.8%	9.0%
Thuốc lá					
Thuốc lá	715	-8.6	1.1	-0.6%	4.1%

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA	
Y tế						
Thiết bị và dịch vụ y tế						
Thiết bị y tế	784	14.1	0.8	4.9%	2.9%	
Dụng cụ y tế	144	3.4	1.8	31.8%	13.0%	
Dược phẩm						
Công nghệ sinh học	167	7.9	1.0	13.2%	9.3%	
Dược phẩm	15,003	11.9	3.1	25.5%	16.8%	
Bán lẻ						
Phân phối thực phẩm và dược						
Phân phối thực phẩm	378	49.5	1.2	2.4%	0.7%	
Bán lẻ						
Bán lẻ phức hợp	735	14.3	1.2	13.1%	8.6%	
Phân phối hàng chuyên dụng	2,155	8.7	1.4	14.8%	3.2%	
Truyền thông, Du lịch và Giải trí						
Truyền thông						
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%	
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,027	8.2	0.9	12.1%	8.0%	
Du lịch và giải trí						
Hàng không	165	7.2	3.1	52.7%	27.1%	
Khách sạn	5,796	36.3	2.6	6.1%	3.2%	
Dịch vụ giải trí	2,114	26.6	1.3	15.2%	12.8%	
Vận tải hành khách & Du lịch	1,094	20.4	1.8	15.0%	13.3%	
Viễn Thông & Công nghệ thông tin						
Viễn thông cố định						
Viễn thông cố định	51	11.9	0.4	3.1%	1.6%	
Phần mềm và dịch vụ máy tính						
Dịch vụ máy tính	511	20.3	0.6	3.1%	1.2%	
Internet	296	62.4	0.7	1.1%	0.2%	
Phần mềm	16,192	9.9	2.1	22.1%	9.6%	
Thiết bị và phần cứng						
Phần cứng	390	14.0	0.7	4.1%	1.6%	
Thiết bị văn phòng	262	5.1	1.0	20.0%	14.9%	
Thiết bị viễn thông	2,031	13.8	0.7	5.1%	3.7%	
Điện nước, xăng dầu và khí đốt						
Sản xuất & phân phối điện						
Sản xuất & phân phối điện	21,438	-	5.4	1.1	-5.1%	3.4%
Nước & khí đốt						
Phân phối xăng dầu & khí đốt	179,029	15.1	4.8	32.9%	22.1%	
Nước	1,196	6.5	1.0	16.8%	11.2%	
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản						
Bảo hiểm phi nhân thọ						
Bảo hiểm phức hợp	1,168	5.2	0.8	15.2%	5.0%	
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,232	11.8	0.7	5.8%	2.7%	
Tái bảo hiểm	2,783	7.9	1.1	14.5%	7.0%	
Bảo hiểm nhân thọ						
Bảo hiểm nhân thọ	25,654	20.8	2.1	10.0%	2.3%	
Dịch vụ tài chính						
Tài chính đặc biệt	3,300	59.6	1.0	1.7%	0.5%	
Môi giới chứng khoán	22,383	12.5	1.2	8.1%	6.1%	
Ngân hàng						
Ngân hàng	237,112	10.7	1.2	11.1%	0.9%	
Bất động sản						
Bất động sản	136,554	11.2	2.5	28.5%	7.2%	
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	5	8.9	0.4	5.5%	2.5%	
Dầu khí						
Thiết bị, dịch vụ và phân phối						
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	35,689	9.3	1.9	20.5%	8.4%	

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.